**Phụ lục VI**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quy định mở ngành đào tạo được ban hành theo Quyết định số …./QĐ-ĐHQG ngày…tháng…năm… của Giám đốc ĐHQG-HCM)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

1. **Thông tin chung về chương trình đào tạo**

* Tên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt:
  + Tiếng Anh:
* Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục giáo dục, đào tạo của Nhà nước. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).
* Trình độ đào tạo:
* Loại hình đào tạo:
* Thời gian đào tạo:
* Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  + Tiếng Việt: Cử nhân/Kỹ sư/Kiến trúc sư/Bác sĩ/Dược sĩ …
  + Tiếng Anh:
* Nơi đào tạo:

1. **Mục tiêu đào tạo** 
   1. Mục tiêu chung (xác định mục tiêu của CTĐT về: năng lực kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, …) gọi là cấp độ 1-X
   2. Mục tiêu cụ thể (cụ thể hóa từ mục tiêu chung, gọi là cấp độ 2-X.x)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

* + - 1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1 …

* + - 1. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

2.1.…

* + - 1. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1 …

* + - 1. Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1. …

1. **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** *(Cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể X.x)*

| **Stt** | **Chuẩn đầu ra** | **Trình độ năng lực**  **(**theoThang trình độ năng lực) |
| --- | --- | --- |
| 1. | Kiến thức và lập luận ngành | 0.0->2.0: có biết/có nghe qua |
| 1.1 |  | 2.0->3.0: có hiểu biết/có thể tham gia |
| 1.1.1 |  | 3.0->3.5: có khả năng ứng dụng |
|  | … | 3.5->4.0: có khả năng phân tích |
| 2. | Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp | 4.0->4.5: có khả năng tổng hợp |
| 2.1 |  | 4.5->5.0: có khả năng đánh giá |
| 2.1.1 |  |  |
|  | … |  |
| 3. | Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp |  |
| 3.1 |  |  |
| 3.1.1 |  |  |
|  | … |  |
| 4. | Năng lực thực hành nghề nghiệp |  |
| 4.1 |  |  |
| 4.1.1 |  |  |
|  |  |  |

1. **Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp** (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)
2. **Thang điểm** (theo thang điểm chính thức của trường).
3. **Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ: …. tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng và sinh hoạt định hướng đầu khóa):

| TT | Các khối kiến thức | Khối lượng | |
| --- | --- | --- | --- |
| Số tín chỉ | % |
| I | Khối kiến thức giáo dục đại cương |  |  |
| II | Khối kiến thức cơ sở ngành |  |  |
| III | Kiến thức chuyên ngành |  |  |
| IV | Kiến thức bổ trợ |  |  |
| V | Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |

1. **Nội dung chương trình** **đào tạo**

| Stt | Mã MH | Tên môn học (MH) | | Loại MH  (bắt buộc/tự chọn) | Tín chỉ | | | Phòng TN  (\*\*) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếng việt | Tiếng Anh | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành/Thí nghiệm |
| **I** | **Kiến thức giáo dục đại cương** | | |  |  |  |  |  |
|  |  | Lý luận chính trị | |  |  |  |  |  |
|  |  | Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật | |  |  |  |  |  |
|  |  | Ngoại ngữ | |  |  |  |  |  |
|  |  | Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường | |  |  |  |  |  |
|  |  | Kinh tế - Quản lý | |  |  |  |  |  |
| **II** | **Kiến thức cơ sở ngành** | | |  |  |  |  |  |
| **III** | **Kiến thức chuyên ngành** | | |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Kiến thức bổ trợ** | | |  |  |  |  |  |
| **V** | **Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp** | | |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số (tín chỉ)** | | |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

* (\*\*): Ghi tên PTN. Nếu sử dụng chung PTN do CSĐT khác quản lý phải ghi rõ tên CSĐT và đính kèm thỏa thuận cho phép sử dụng PTN.
* Số thứ tự của các môn học được đánh số tăng dần.

1. **Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác**
2. **Dự kiến kế hoạch giảng dạy** *(phân bổ các môn học theo từng học kỳ)*

| Học kỳ | Mã MH | Tên MH | | Loại MH  (bắt buộc/tự chọn) | Tín chỉ | | | Phòng TN  (\*\*) | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếng việt | Tiếng Anh  (\*) | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành/Thí nghiệm |
| **I**  **(tổng số**  **tín chỉ)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** | | |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(\*): Đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh

(\*\*): Ghi tên PTN.

1. **Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)**

*(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)*

| **Học kỳ** | **Tên môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2.1 | | 3.1 | | 4.1 | |
| 2.1.1 | … | 3.1.1 | … | 4.1.1 | … |
| **I.** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học** *(số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong nội dung chương trình đào tạo)*

**Tên môn học (tiếng Việt, tiếng Anh):**

* Số tín chỉ: (ghi rõ số tín chỉ lý thuyết và thực hành)
* Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: (để học được môn học này người học phải hoàn thành các môn nào?)
* Mô tả nội dung môn học: Nêu được tóm tắt nội dung môn học, mục tiêu môn học đề ra ...

**HIỆU TRƯỞNG**

*(ký và ghi rõ họ tên)*